

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THIÊN NAM. TN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THIÊN NAM. TN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN NAM. TN SUSTAINABLE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THIEN NAM. TN., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110444625

**3. Ngày thành lập:** 09/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 52, Ngách 279/78, Phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914251367

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua, Đại lý bán, ký gửi hàng hóa- Môi giới thương mại(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                           | 4610     |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ hoạt động bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)                                                                                                                                     | 4662     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng , gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi , kính xây dựng , sơn, véc ni , gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh , đồ ngũ kim | 4663     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (Điều 4 Nghị định 91/2016/NĐ-CP)                                                                        | 4669     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Điều 28 luật Thương mại 2005) loại trừ hoạt động đấu giá.                                    | 8299     |
| 6.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                    | 0810     |
| 7.  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...                                                | 0899     |
| 8.  | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                           | 2011     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>(Điều 3 Nghị định 93/2016/NĐ-CP, Điều 4 Nghị định 91/2016/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2023 |
| 10. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su;<br>- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;<br>- Sản xuất chất giống nhựa;<br>- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;<br>- Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;<br>- Sản xuất phim, giấy ảnh, các vật liệu nhạy với ánh sáng khác;<br>- Sản xuất hoá chất dùng để làm ảnh;<br>- Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như:<br>+ Pep ton, dẫn xuất của pep ton, các chất protein khác và dẫn xuất của chúng,<br>+ Dầu mỡ,<br>+ Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học,<br>+ Nguyên liệu sử dụng trong hoàn thiện sản phẩm dệt và da,<br>+ Bột và bột nhão sử dụng trong hàn,<br>+ Sản xuất chất để tẩy kim loại,<br>+ Sản xuất chất phụ gia cho xi măng,<br>+ Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp,<br>+ Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng,<br>+ Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chẩn đoán khác;<br>- Sản xuất mực viết và mực vẽ;<br>- Sản xuất diêm;<br>- Sản xuất hương các loại...<br>- Sản xuất meo nấm. | 2029 |
| 11. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất đá nhân tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2220 |
| 12. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2396 |
| 13. | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2399 |
| 14. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>(Loại trừ sản xuất vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2420 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Điều 28 luật Thương mại 2005) loại trừ hoạt động đấu giá.                                                                                                                                               | 5510(Chính) |
| 16. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                                                                                                                                                         | 3211        |
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, màu, véc ni kính xây dựng, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |

6. **Vốn điều lệ:**

68.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:
7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

6.800.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>VĂN THOAN | Số 32 Ngõ 20<br>Phố Nguyễn Viết<br>Xuân, Phường<br>Khương Mai,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.652.0<br>00 | 26.520.000.000           | 39,000       | 0010570049<br>01                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Tổng số                            | 2.652.0<br>00 | 26.520.000.000           | 39,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                               |                           |           |                |        |              |
|---|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 2 | VŨ NGỌC MINH | Số 25 Ngõ 36 Lê Thanh Nghị, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 1.088.000 | 10.880.000.000 | 16,000 | 001063001184 |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Tổng số                   | 1.088.000 | 10.880.000.000 | 16,000 |              |
|   |              |                                                                                               |                           |           |                |        |              |
| 3 | MÃN THỊ THI  | Xóm Gò Đậu, Thôn Phú Vinh, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 1.020.000 | 10.200.000.000 | 15,000 | 027171000261 |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Tổng số                   | 1.020.000 | 10.200.000.000 | 15,000 |              |
|   |              |                                                                                               |                           |           |                |        |              |
| 4 | LÃ QUÝ ĐÀ    | Số 18 Ngõ 71 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.020.000 | 10.200.000.000 | 15,000 | 034051002530 |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Tổng số                   | 1.020.000 | 10.200.000.000 | 15,000 |              |
|   |              |                                                                                               |                           |           |                |        |              |

|   |               |                                                                     |                           |           |                |        |              |
|---|---------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 5 | NGUYỄN VĂN TÚ | Phố 4, Thị trấn Yên Ninh, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.020.000 | 10.200.000.000 | 15,000 | 037068000400 |
|   |               |                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                     | Tổng số                   | 1.020.000 | 10.200.000.000 | 15,000 |              |
|   |               |                                                                     |                           |           |                |        |              |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THOAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 24/10/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001057004901

Ngày cấp: 07/11/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 32 Ngõ 20 Phố Nguyễn Viết Xuân, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 32 Ngõ 20 Phố Nguyễn Viết Xuân, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội